TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 04/2020/HC- ST
Ngày: 10/01/2020
V/v khiếu kiện: "Yêu cầu hủy GCNQSDĐ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Hùng;

Ông Nguyễn Danh Lơi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thi Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diệnViện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Phương lý- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 82/2019/TLST- HC ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc khiếu kiện: " Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐST- HC ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị A sinh năm 1940, có mặt;

Quê quán: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

Thường trú: Thôn O, xã P, huyện Z, Thanh Hóa.
Tạm trú: Số 374 Đường U, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Z, Thanh Hóa.

Người đại diện: Ông Nguyễn Tiến B- Chủ tịch UBND huyện Z;

Người được ủy quyền: Ông Phạm Văn C- Phó Chủ tịch UBND huyện Z, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Hồng D, sinh năm 1936;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sặng: Ông Lê Hông N, sinh năm 1950, có mặt;

Trú tại Phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thanh Hóa;

Người đại diện: Ông Nguyễn Tử E- Chủ tịch UBND xã Y, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông phạm Ngọc F, 88 tuổi, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

2. Bà Phạm Thị G, 93 tuổi, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

3. Ông Phạm Văn H, 86 tuổi, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

4. Ông Lại Hữu I, sinh năm 1940, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

5. Bà Lê Thị K, sinh năm 1925, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

6. Bà Phạm Thị L, 86 tuổi, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

7. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1956, vắng mặt;

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28- 9- 2018, người khởi kiện là bà Phạm Thị A trình bày: Bà A có bố là Phạm Văn S chết năm 1947, mẹ là Nguyễn Thị R năm 1952 đi lấy chồng khác, nay cũng đã chết. Bố mẹ bà A là chủ của khu đất tại Vườn Chõm thôn KV, nay là thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1961, hai chị gái đi lấy chồng, bà Thứ được giao quản lý khu đất này. Tháng 3 năm 1966, bà A đi bộ đội, nhờ chú là ông Phạm Văn V (Đã chết) trông coi đất và căn nhà nhỏ tre lá.

Năm 1974, bà A về địa phương thấy ông Phạm Hồng D đã phá dỡ nhà và sinh sống trên đất của gia đình bà A. Bà A yêu cầu trả lại đất, nhưng ông D không trả, bà A đã khiếu nại đến UBND xã nhưng không được chấp nhận.

Bà A tiếp tục khiếu nại, ngày 13- 6- 2018 Ủy ban nhân dân xã Y tiến hành giải quyết tranh chấp giữa bà A với ông D nhưng không thành, thời điểm này bà A mới biết ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà A cho rằng Ủy ban nhân huyện Z không có văn bản thu hồi đất của gia đình bà, nhưng lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng D là không đúng đối tượng. Bà A đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992 ngày 22- 9- 2004 của Ủy ban nhân huyện Z cấp cho ông Phạm Hồng D; Yêu cầu ông Phạm Hồng D trả lại cho gia đình bà diện tích đất thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y, huyện Z.

Kèm theo Đơn khởi kiện, bà A nộp các tài liệu, chứng cứ:

- Bản sao Chứng minh thư nhân dân;

- Bản sao Sổ hộ khẩu;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992;
- Bản sao Biên bản hòa giải tranh chấp đất;
- Bản sao Sổ mục kê, Bản đồ 299;
- Các xác nhận của người làm chứng.

Theo ông Phạm Văn M là con trai của cụ Phạm Văn V cho biết cụ V đã chết 13/3/2015. Khi còn nhỏ những người trong gia đình có nghe bố nói về việc bà A nhờ trông đất nhưng không rõ nội dung, không biết sự chuyển đổi đất sang ông D như thế nào, sau đó lớn lên mọi người cũng đi xa không biết việc tranh chấp đất giữa bà A và ông D.

Theo Văn bản số 603/UBND- TNMT ngày 15- 3- 2019, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Z trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của ông Phạm Hồng D được cấp hiện nay theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1987 được xác định tại thửa 251, tờ bản đồ số 04, loại đất T, diện tích 32940m2 (Thuộc Hợp tác xã); Bản đồ đo vẽ năm 2003 được xác định tại thửa 830, tờ bản đồ số 10, loại đất T, diện tích 1.351m2.

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993: "người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất";

Trên cơ sở Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Y, Ủy ban nhân dân huyện Z đã ban hành Quyết định số 09- QB/UBTG ngày 28- 01- 1994 về giao ruộng đất lâu dài, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 232 hộ gia đình, trong đó có hộ ông Phạm Hồng D số thứ tự 95. Ông D được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992, vào sổ 0043 QSDĐ/104 ngày 22- 9- 2004.

Ủy ban nhân dân huyện Z khẳng định việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là đúng qui định, bà Phạm Thị A yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D là chưa có cơ sở.

Kèm theo văn bản trình bày ý kiến, Ủy ban nhân dân huyện Z nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

- GCNQSDĐ mang tên ông Phạm Hồng D;
- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 104-QĐ/UB ngày 22/9/2004;
- Tờ trình số 104/TT/ĐC ngày 22/9/2004 của Phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện;
- Tờ trình số 20 TT/UB ngày 20/9/2004 của UBND xã Y;
- Hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 09 QĐ/UB ngày 28/01/1994;
- Tờ trình số 26 TT/UB ngày 25/01/1994 của UBND xã Y.

Theo Văn bản số 16/CV- UBND ngày 29- 3- 2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Y trình bày: Ủy ban ND xã được biết qua bà A trình bày và người dân cung cấp thì trước năm 1966 bố mẹ bà A là các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R sống trên khu đất Vườn Chõm, thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng sau khi cụ S chết, vào những năm 1950 cụ R cùng các con đi khỏi địa phương, khu đất này không có ai ở, Hợp tác xã quản lý.

Từ năm 1966, ông Phạm Hồng D được Hợp tác xã giao đất khu Vườn Chõm, thôn X, xã Y, huyện Z, với diện tích 1.351m2, không có công trình xây dựng gì, ở ổn định cho đến nay.

Về hồ sơ địa chính đất của ông D qua các thời kỳ:

Bản đồ 299 đo vẽ năm 1987 diện tích đất này được xác định tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 05, loại đất T, diện tích 36850m2, sổ mục kê ghi Hợp tác xã viên.

Bản đồ năm 2003 diện tích đất của ông D được xác định tại thửa 830, tờ bản đồ số 10, với diện tích 1.351m2, thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phạm Hồng D.

Không có bất cứ giấy tờ nào còn lưu trữ tại UBND xã thửa đất trên thuộc quyền sử dung của các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R.

Ủy ban nhân dân xã Y khẳng định việc lập hồ sơ đề nghị giao đất tại thửa 830, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.351m2 cho hộ ông Phạm Hồng D là đúng trình tự và qui định, vì ông D được HTX giao đất đã ở ổn định từ năm 1966, khi giao đất không có tranh chấp. Việc bà Phạm Thị A yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D là chưa phù hợp với các qui định về đất đai.

Kèm theo văn bản trình bày ý kiến, Ủy ban nhân dân xã Y nộp các tài liệu chứng cứ sau:

- GCNQSDĐ mang tên ông Phạm Hồng D;
- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Z về giải quyết khiếu nại của bà A;
- Quyết định giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh đơn tranh chấp đất;
- Các Báo cáo, Biên bản xác minh của các cán bộ được phân công về kết quả thẩm tra, xác mịnh nội dung tranh chấp đất.

Các nhân chứng ông Phạm Ngọc F**,** bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn H, ông Lại Hữu I, bà Lê Thị K, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn M đều khai có nội dung giống nhau là trước năm 1960 có biết các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R sống trên khu đất Vườn Chõm, thôn X, xã Y, huyện Z, nhưng sau đó gia đình bà A không có ai ở trên đất nữa.

Ủy ban nhân dân huyện Z và bà Phạm Thị A đều đề nghị không tiến hành đối thoại.

Tại phiên toà, bà A khẳng định rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc ông Phạm Hồng D trả lại cho gia đình bà diện tích đất thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y, huyện Z.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo qui định. Đối với việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện và phù hợp với qui định, đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 173 BLTTHC đình phần yêu cầu bà A đã rút. Về nội dung khởi kiện, bà Phạm Thị A không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R là chủ sử dụng khu đất Vườn Chõm, thôn X, xã Y, huyện Z. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Z, Ủy ban nhân dân xã Y từ

năm 1960 đến nay không có tên các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R trong hồ sơ, sổ quản lý đất. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 LTTHC, bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Z và Ủy ban nhân dân xã Y đều có đơn xin xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Việc bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc ông Phạm Hồng D trả lại cho gia đình bà diện tích đất thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y, huyện Z là tự nguyện, phù hợp với qui định, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà A đã rút.

[3]. Về đối tượng khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992 ngày 22- 9- 2004 của Ủy ban nhân huyện Z cấp cho ông Phạm Hồng D là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai, liên quan đến quyền lợi của các đương sự đang có tranh chấp, là đối tượng của vụ kiện hành chính.

[4]. Về Thời hiệu khởi kiện: Bà Phạm Thị A không phải là người được nhận trực tiếp, nên thời điểm bà A biết ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 13- 6- 2018, khi Ủy ban nhân dân xã Y tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các đương sự. Ngày 28- 9- 2018, bà Phạm Thị A nộp đơn khởi kiện là trong thời hạn một năm kể từ ngày biết được quyết định hành chính nên vụ án được TAND tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[5] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị A về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Z, Ủy ban nhân dân xã Y cùng với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, ông Phạm Hồng D được HTX giao đất đã ở ổn định từ năm 1966, tại thửa 830, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.351m2, khi giao đất không có người đang sử dụng hoặc sinh sống, không có công trình trên đất, không có tranh chấp. Như vậy, ông D sử dụng đất không phải do lấn chiếm, mà do được cơ quan có thẩm của nhà nước giao. Trong những năm 1960 là thời kỳ Nhà nước Việt Nam DCCH đang tiến hành cải cách ruộng đất với chủ trương động viên mọi người giao đất, tham gia HTX. Việc giao đất và cấp GCNQSDĐ cho ông D đã được Ủy ban hai cấp huyện Z thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng. Do đó, Quyết định giao đất và cấp GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện Z cho ông D là có căn cứ và hợp pháp.

Bà Phạm Thị A cho rằng khu đất tại Vườn Chõm thôn KV, nay là thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y là của các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R nhưng không có đủ căn cứ để chứng minh.

Về căn cứ pháp lý, bà A không xuất trình được tài liệu về quyền sử dụng đất của các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R đối với khu đất tại Vườn Chõm thôn KV, nay là thôn X, xã Y. Theo báo cáo của Ủy ban hai cấp huyện Z thì hiện nay chỉ có hồ sơ địa chính khu đất Vườn Chõm thôn KV, nay là thửa 830, tờ bản đồ

số 10 thôn X, xã Y từ những năm 1960 trở lại đây, thể hiện chủ hộ sử dụng là ông Phạm Hồng D, không có tài liệu nào có tên các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R.

Về thực tế, bà A có những người cao tuổi làm chứng biết các cụ Phạm Văn S và Nguyễn Thị R có sống trên khu đất tại Vườn Chõm thôn KV, nay là thôn X, xã Y là chưa đủ căn cứ pháp lý. Hơn nữa, những người làm chứng cũng không xác định được vị trí cụ thể, diện tích đất bao nhiêu. Theo hồ sơ địa chính phản ánh thì diện tích khu đất tại Vườn Chõm thôn KV lớn hơn diện tích bà A trình bày, HTX đã giao cho ông D một phần, giao cho ông cụ V một phần, để lại cho HTX một phần. Bà A khai trước khi đi bộ đội có nhờ cụ Phạm Văn V trông đất, nhưng không có văn bản. Nếu cụ V là người quản lý đất của gia đình bà A, thì đương nhiên cụ V đã biết việc HTX giao đất ở Vườn Chõm thôn KV cho ông D, nhưng không có khiếu nại gì. Đối với chị em bà A do từ thời gian đó cũng không về địa phương, đã sống ở nơi khác nên Ủy ban ND các cấp ở huyện Z cũng không thể cấp đất ở cho gia đình bà A.

Từ những đánh giá, phân tích trên thấy rằng bà Phạm Thị A yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992 ngày 22- 9- 2004 của Ủy ban nhân huyện Z cấp cho ông Phạm Hồng D là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6]. Bà A là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 2, điểm d khoản 3 Điều 23, Điều 32 Luật đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 49, điểm a khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 3 Nghị định 71- CP ngày 09 THÁNG 12 năm 1960 của Chính phủ; Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị dịnh 66/2001/NĐ- CP ngày 28- 9- 2001 của Chính phủ;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A về nội dung buộc ông Phạm Hồng D trả lại cho gia đình bà diện tích đất thửa 830, tờ bản đồ số 10, thôn X, xã Y, huyện Z, Thanh Hóa.

Bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị A yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ101992 ngày 22- 9- 2004 của Ủy ban nhân huyện Z cấp cho ông Phạm Hồng D.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà A và người được ủy quyền của ông D, vắng mặt đại diện của UBND huyện Z UBND xã Y. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quốc Văn